

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

66

Mr. Ponce

Đ. 27
H. 04

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Nối thương mại (22435501)

Ngày thi: 14/11/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: A406

Số SV có mặt: 31

Số bài thi: 27

Số tờ giấy thi: 31

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123240055	Nguyễn Thị Như Ái	20/10/2005	CCQ2324B		A	8,5	6,6	7,4	
2	2123240035	Nguyễn Trương Ngọc Quỳnh Anh	25/09/2005	CCQ2324B		Ah	8,8	7,2	7,8	
3	2122240134	Nguyễn Thị Ngọc Bích	06/12/1997	CCQ2224E		V	9,0	8,4	8,6	
4	2123240052	Huỳnh Ngọc Minh Châu	02/10/2005	CCQ2324B		Ce	8,8	7,2	7,8	
5	2123240194	Trần Thùy Dung	04/10/2005	CCQ2324B		Ta	9,0	6,8	7,7	
6	2123240033	Ngô Huỳnh Phương Duy	17/09/2005	CCQ2324B		D	8,0	4,0	5,6	
7	2122240175	Lã Thị Thu Hà	19/01/2004	CCQ2224F		Ho	9,2	8,4	8,7	
8	2123240048	Mai Trịnh Mỹ Hằng	30/04/2005	CCQ2324B		Be	8,0	0,0	3,2	
9	2123240161	Giáp Thị Thanh Huyền	06/12/2005	CCQ2324B		Huy	8,5	1,5	4,3	
10	2123240056	Phạm Thị Kim Ngân	29/03/2005	CCQ2324B		K	8,7	6,0	7,1	
11	2123240040	Nguyễn Kim Ngọc	07/11/2005	CCQ2324B		N	9,5	8,0	8,6	
12	2123240045	Danh Hữu Nhân	24/05/2005	CCQ2324B		Nh	9,4	8,8	9,0	
13	2122240079	Hồ Thị Mỹ Nhân	09/09/2004	CCQ2224C		Nh	8,7	4,7	6,3	
14	2123240031	Lý Thị Bích Nhi	27/07/2005	CCQ2324B		Nh	8,8	3,9	5,9	
15	2122240062	Ông Thị Thiên Nhi	04/10/2004	CCQ2224B		Nh	8,2	5,5	6,6	
16	2122240022	Phạm Thị Yến Nhi	08/08/2004	CCQ2224A		Nh	8,5	4,8	6,3	
17	2122240190	Lê Hoàng Như	20/12/2004	CCQ2224F		Nh	8,7	7,9	8,2	
18	2123240032	Lê Thị Tố Như	10/07/2005	CCQ2324B		Nh	9,1	8,2	8,6	
19	2122240179	Trần Lê Quỳnh	10/12/2004	CCQ2224F		Nh	8,5	6,1	7,1	
20	2123240037	Hà Thị Thuý Tân	25/07/2005	CCQ2324B		T	8,5	5,2	6,5	
21	2123240046	Nguyễn Hữu Thành	25/01/2005	CCQ2324B		Th	9,0	7,9	8,3	
22	2123240050	Võ Ngọc Anh Thi	13/11/2005	CCQ2324B		Th	8,7	3,9	7,0	
23	2123240047	Lê Thị Hoài Thương	28/07/2005	CCQ2324B		Th	8,0	4,8	6,1	
24	2123240053	Huỳnh Thị Thu Thủy	30/08/2005	CCQ2324B		Th	8,0	5,8	6,7	
25	2123240051	Nguyễn Thị Chung Thủy	10/10/2005	CCQ2324B		Th	8,5	9,0	3,4	
26	2122240082	Phạm Thị Huyền Trâm	16/09/2004	CCQ2224C			0,0			
27	2123240054	Phạm Thị Thùy Trang	20/09/2005	CCQ2324B		Th	8,0	0,0	3,2	
28	2123240034	Nguyễn Bảo Trung	10/01/2004	CCQ2324B			0,0			

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

(66)

Mr. Ponce

Cán bộ coi thi 1: Cán bộ coi thi 2: G.Viên chấm thi 1: G.Viên chấm thi 2:

Môn học: Nói thương mại (22435501)

Ngày thi: 14/11/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: A406

Số SV có mặt: 31..

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2123240058	Nguyễn Vũ Trường	30/04/1999	CCQ2324B			8,5	7,7	8,0	
30	2123240036	Hồ Lê Mỹ Uyên	09/05/2005	CCQ2324B			8,8	4,9	6,5	
31	2123240049	Đoàn Thị Bích Vân	19/03/2005	CCQ2324B			8,5	6,0	7,0	
32	2122240158	Nguyễn Thuý Vân	27/10/2004	CCQ2224B			8,2	5,3	6,5	
33	2122240196	Hoàng Thị Yên	17/10/2004	CCQ2224F			8,5	5,8	6,9	

(67)

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Nối thương mại (22435505)

Ngày thi: 14/11/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: A501

Số SV có mặt:.....

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:.....

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2121200094	Lê Nguyễn Anh Đào	23/11/2002	CCQ2124F			0,0			
2	2121200093	Lê Nguyễn Hồng Đào	16/06/2001	CCQ2124F			0,0			
3	2123240120	Nguyễn Quốc Đạt	03/07/2003	CCQ2324D			9,0	8,7	8,8	
4	2123240113	Hoàng Thị Hồng Hà	25/04/2005	CCQ2324D			0,0			
5	2123240106	Quảng Nữ Hồng Hà	03/03/2003	CCQ2324D			8,5			
6	2123240098	Lê Thị Mỹ Hào	05/01/2005	CCQ2324D			8,6	5,1	6,5	
7	2123240112	Nguyễn Thị Thuý Hương	08/05/2005	CCQ2324D			9,3	8,4	8,8	
8	2123240143	Nguyễn Đăng Khôi	24/11/2005	CCQ2324D			8,0	6,4	7,0	
9	2123240104	Nguyễn Thị Kim Liễu	08/05/2005	CCQ2324D			8,2	6,2	7,0	
10	2123240096	Trình Nguyễn Thuý Mỹ	07/10/2003	CCQ2324D			9,1	5,6	7,0	
11	2123240107	Trần Thị Kim Ngân	10/02/2004	CCQ2324D			8,6	5,5	6,7	
12	2123240097	Trần Tuyết Ngân	10/01/2003	CCQ2324D			8,7	3,5	5,6	
13	2123240099	Trương Thu Ngân	24/06/2005	CCQ2324D			9,0	4,8	6,5	
14	2123240124	Lâm Yến Nhi	09/09/2001	CCQ2324D			9,3	3,8	6,0	
15	2123240095	Huỳnh Thanh Quang	01/11/2004	CCQ2324D			8,0	5,7	6,6	
16	2123240115	Lưu Thị Quỳnh	20/09/2002	CCQ2324D			8,8	3,2	5,4	
17	2123240122	Trần Văn Sáng	28/11/2005	CCQ2324D			9,2	7,7	8,3	
18	2123240093	Lý Thị Súa	18/06/2004	CCQ2324D			8,7	2,5	5,0	
19	2123240105	Lê Đình Thái Tài	13/07/2003	CCQ2324D			8,0	7,2	7,5	
20	2123240094	Trần Nguyễn Nhật Tân	24/09/2004	CCQ2324D			8,7	2,0	4,7	
21	2122240204	Huỳnh Thị Kiều Thịnh	12/04/2004	CCQ2224C			8,3	2,7	4,9	
22	2123240121	Nguyễn Ngọc Anh Thư	26/11/2004	CCQ2324D			9,5	6,1	7,5	
23	2123240109	Nguyễn Thu Thủy	04/04/2005	CCQ2324D			8,5			
24	2123240118	Lê Minh Tiếng	16/09/2004	CCQ2324D			8,0	5,0	6,2	
25	2123240102	Đặng Huỳnh Bảo Trân	29/04/2005	CCQ2324D			8,7	4,0	5,9	
26	2123240197	Trần Văn Trung	22/09/2005	CCQ2324D			9,1	7,2	8,0	
27	2123240103	Nguyễn Phong Vinh	23/03/2004	CCQ2324D			8,8	7,1	7,8	
28	2123240100	Trần Hiền Vy	19/05/2005	CCQ2324D			8,0	5,8	6,7	